

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Phạm Minh Thạnh	Thành viên
Bà Lê Thị Diệu Trinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Đình Sung	Tổng Giám đốc
Ông Trần Cảnh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Sung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 09 năm 2020

Số: 090801/2020/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám Đốc
Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 09 năm 2020, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2020

Phạm Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0747-2018-072-1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 245 Quyền số: 01 SCT/BS
Ngày: 07-06-2021



Hoàng Thị Bích Vân

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.839.564.998	83.070.654.223
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.811.299.094	16.842.574.739
1. Tiền	111		16.811.299.094	16.842.574.739
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.097.823.696	16.428.225.549
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.705.129.350	16.216.156.749
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	283.164.496	205.326.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		67.445.000	32.592.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(957.915.150)	(25.850.000)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	52.258.697.915	49.113.947.425
1. Hàng tồn kho	141		52.769.428.724	49.894.608.805
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(510.730.809)	(780.661.380)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		671.744.293	685.906.510
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.4a	671.714.293	685.906.510
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	30.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.909.222.202	8.665.528.679
I. Tài sản cố định	220		7.541.921.443	8.302.418.849
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.541.921.443	8.302.418.849
- Nguyên giá	222		71.508.186.167	71.014.251.572
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.966.264.724)	(62.711.832.723)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		355.254.546	363.109.830
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	355.254.546	363.109.830
III. Tài sản dài hạn khác	260		12.046.213	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.4b	12.046.213	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		94.748.787.200	91.736.182.902

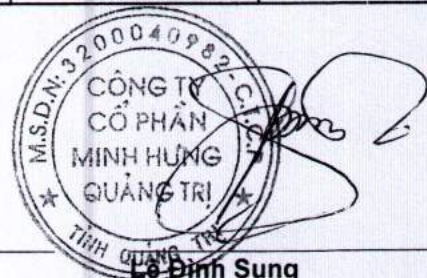
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.018.018.620	11.476.788.213
I. Nợ ngắn hạn	310		11.018.018.620	11.476.788.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	3.621.993.699	4.777.514.102
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		428.400.721	148.026.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	677.205.800	1.139.669.905
4. Phải trả người lao động	314		5.309.152.161	4.273.619.950
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		8.879.487	56.414.487
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	580.399.785	659.406.202
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		391.986.967	422.136.967
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.730.768.580	80.259.394.689
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	83.283.260.500	79.543.386.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	678.000.000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		371.000.000	371.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.234.260.500	28.494.386.609
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		28.382.096.609	22.642.618.347
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.852.163.891	5.851.768.262
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		447.508.080	716.008.080
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		447.508.080	716.008.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		94.748.787.200	91.736.182.902

Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 08 tháng 09 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

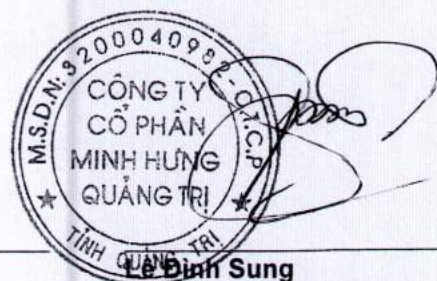
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		102.349.680.320	92.883.425.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		25.793.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	102.323.887.320	92.883.425.316
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.296.640.929	75.293.310.277
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		17.027.246.391	17.590.115.039
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.792.211	2.280.962
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.054.507	80.024.394
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.054.507	80.024.394
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.198.209.088	5.449.162.079
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	6.600.666.660	4.411.459.122
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.218.108.347	7.651.750.406
11. Thu nhập khác	31		109.327.916	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	389.829.915	359.179.000
13. Lợi nhuận khác	40		(280.501.999)	(359.179.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.937.606.348	7.292.571.406
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	1.085.442.457	1.440.803.144
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.852.163.891	5.851.768.262
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	770	1.170
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		770	1.170



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 08 tháng 09 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

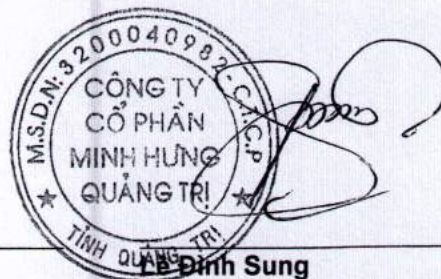
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.937.606.348	7.292.571.406
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.503.871.587	2.456.911.658
Các khoản dự phòng	03	662.134.579	161.459.912
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.792.211)	(2.280.962)
Chi phí lãi vay	06	13.054.507	80.024.394
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	8.113.874.810	9.988.686.408
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(1.601.693.297)	(2.049.045.150)
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(2.874.819.919)	(5.574.803.957)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(13.368.478)	(775.784.185)
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	2.146.004	456.875.860
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.054.507)	(80.024.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.492.838.288)	(1.355.911.743)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(30.150.000)	(20.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.090.096.325	589.892.839
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.011.874.181)	(456.655.284)
2. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.792.211	2.280.962
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.009.081.970)	(454.374.322)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.478.243.201	3.479.641.060
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.478.243.201)	(5.281.016.877)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(112.290.000)	(127.290.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(112.290.000)	(1.928.665.817)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(31.275.645)	(1.793.147.300)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.842.574.739	18.635.722.039
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	16.811.299.094	16.842.574.739



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Đinh Sung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 08 tháng 09 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi Măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739.QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27/11/1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 cấp ngày 27 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 279 người và tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 285 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất gạch xây, ngói);
- Bán buôn, bán lẻ xi măng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng gạch xây, ngói, vôi, đá, cát, sỏi, đất sét);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu Clinker, thạch cao; Các sản phẩm phụ gia cho sản xuất xi măng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn bán lẻ xăng dầu);
- Khai thác gỗ;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và các vật liệu tết bện;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Gia công cơ khí);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất các sản phẩm phụ gia cho sản xuất xi măng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng; sản xuất gạch ngói.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 08
Máy móc thiết bị	05 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	16.345.114.626	16.329.258.002
Tiền gửi ngân hàng	466.184.468	513.316.737
Cộng	16.811.299.094	16.842.574.739

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ Phần Việt Ren	3.434.599.720	2.306.802.400
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Số 1-Nhà máy Sản xuất tấm lợp Tán phát Tâm Châu	2.782.500.800	2.728.202.800
Công ty CP Xi măng Sông Gianh	1.311.256.320	-
Các đối tượng khác	10.176.772.510	11.181.151.549
Cộng	17.705.129.350	16.216.156.749

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Một thành viên QTP	161.530.000	-
Các đối tượng khác	121.634.496	205.326.800
Cộng	283.164.496	205.326.800

4. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	671.089.283	685.906.510
Chi phí trả trước khác	625.010	-
Cộng	671.714.293	685.906.510
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.232.889	-
Chi phí trả trước khác	8.813.324	-
Cộng	12.046.213	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊKm 8, Quốc lộ 9, Phường 4
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Xây dựng X27	260.730.000	-	260.730.000	260.730.000	260.730.000	-
Công ty CP Thành Quả	112.179.000	-	112.179.000	112.179.000	112.179.000	-
Các đối tượng khác	697.824.550	112.818.400	585.006.150	697.824.550	671.974.550	25.850.000
Cộng	1.070.733.550	112.818.400	957.915.150	1.070.733.550	1.044.883.550	25.850.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.233.241.161	478.977.427	33.021.152.057	124.840.088
Công cụ, dụng cụ	465.200.463	31.753.382	292.377.725	14.904.375
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.337.252.188	-	691.415.661	-
Thành phẩm	18.733.734.912	-	15.889.663.362	640.916.917
Cộng	52.769.428.724	510.730.809	49.894.608.805	780.661.380

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊKm 8, Quốc lộ 9, Phường 4
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2019	36.358.582.337	18.564.107.738	14.747.478.751	1.344.082.746	71.014.251.572
Mua trong năm	-	283.454.545	1.728.419.636	-	2.011.874.181
Giảm khác (*)	-	(1.260.011.586)	(137.628.000)	-	(1.397.639.586)
Giảm theo TT45/TT-BTC	-	-	-	(120.300.000)	(120.300.000)
Tại ngày 31/12/2019	36.358.582.337	17.587.550.697	16.338.270.387	1.223.782.746	71.508.186.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2019	34.827.596.783	15.543.490.332	11.028.002.860	1.312.742.748	62.711.832.723
Khấu hao trong năm	520.631.567	837.906.648	1.382.493.374	31.339.998	2.772.371.587
Giảm khác (*)	-	(1.260.011.586)	(137.628.000)	-	(1.397.639.586)
Giảm theo TT45/TT-BTC	-	-	-	(120.300.000)	(120.300.000)
Tại ngày 31/12/2019	35.348.228.350	15.121.385.394	12.272.868.234	1.223.782.746	63.966.264.724
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2019	1.530.985.554	3.020.617.406	3.719.475.891	31.339.998	8.302.418.849
Tại ngày 31/12/2019	1.010.353.987	2.466.165.303	4.065.402.153	-	7.541.921.443

(*) Các tài sản ghi giảm do hư hỏng không còn hiện hữu, đã khấu hao hết giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Giá trị nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 54.813.381.818 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 53.681.098.233 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy vôi công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	7.855.284
Cộng	355.254.546	363.109.830

9. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	332.781.840	321.460.341
Các khoản phải trả, phải nộp khác	247.617.945	337.945.861
Cộng	580.399.785	659.406.202

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊKm 8, Quốc lộ 9, Phường 4
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	1.984.830.000	1.984.830.000	1.704.767.550	1.704.767.550
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.637.163.699	1.637.163.699	3.072.746.552	3.072.746.552
Cộng	3.621.993.699	3.621.993.699	4.777.514.102	4.777.514.102
Phải trả người bán bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.2)	131.823.800	131.823.800	417.307.600	417.307.600

11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp, bù trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	30.000	18.973.140	19.003.140	-
Cộng	30.000	18.973.140	19.003.140	-
b. Các khoản thuế phải trả, phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	143.798.487	10.249.363.676	10.304.431.950	198.866.761
Thuế thu nhập cá nhân	-	16.041.252	16.041.252	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	533.407.313	1.085.442.457	1.492.838.288	940.803.144
Thuế đất, tiền thuê đất	-	197.036.731	197.036.731	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	677.205.800	11.552.884.116	12.015.348.221	1.139.669.905

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊKm 8, Quốc lộ 9, Phường 4
Thành phố Đồng Hà, Tỉnh Quảng Trị**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vốn chủ sở hữu****a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2018	50.000.000.000	678.000.000	371.000.000	22.769.908.347	73.818.908.347
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	5.851.768.262	5.851.768.262
Trả cổ tức năm 2017				(127.290.000)	(127.290.000)
Số dư tại 01/01/2019	50.000.000.000	678.000.000	371.000.000	28.494.386.609	79.543.386.609
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	3.852.163.891	3.852.163.891
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	(112.290.000)	(112.290.000)
Số dư tại 31/12/2019	50.000.000.000	678.000.000	371.000.000	32.234.260.500	83.283.260.500

b. Chi tiết đầu tư vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Lê Đình Sung	25.000.000.000	25.000.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	17.500.000.000	17.500.000.000
Cổ đông khác	7.500.000.000	7.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	102.349.680.320	92.883.425.316
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	101.074.476.631	92.140.001.157
Doanh thu cung cấp dịch vụ	711.955.872	506.466.436
Doanh thu khác	563.247.817	236.957.723
Cộng	102.349.680.320	92.883.425.316
Các khoản giảm trừ doanh thu	25.793.000	-
Chiết khấu thương mại	25.793.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	102.323.887.320	92.883.425.316

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	84.249.789.664	74.627.684.733
Giá vốn cung cấp dịch vụ	700.245.389	484.003.509
Giá vốn khác	346.605.876	181.622.035
Cộng	85.296.640.929	75.293.310.277

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.792.211	2.280.962
Cộng	2.792.211	2.280.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****4. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	13.054.507	80.024.394
Cộng	13.054.507	80.024.394

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.305.335.594	1.338.791.882
Chi phí nhân công	2.137.914.638	2.312.805.620
Thuế, phí và lệ phí	10.013.068	5.958.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.888.973	1.291.121.917
Chi phí khác bằng tiền	588.056.815	500.484.520
Cộng	5.198.209.088	5.449.162.079

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.814.516	5.959.657
Chi phí nhân công	2.434.129.014	1.269.976.583
Chi phí khấu hao TSCĐ	480.464.164	365.957.340
Thuế, phí và lệ phí	202.036.731	200.519.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311.079.315	588.140.765
Chi phí khác bằng tiền	2.203.077.770	1.955.055.432
Dự phòng phải thu khó đòi	932.065.150	25.850.000
Cộng	6.600.666.660	4.411.459.122

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khấu hao xe ô tô trên 1 tỷ 6	352.125.000	352.125.000
Chi phí khác	37.704.915	7.054.000
Cộng	389.829.915	359.179.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.937.606.348	7.292.571.406
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	389.829.915	359.179.000
Các khoản chi phí không được trừ	389.829.915	359.179.000
- Chi phí không được trừ	37.704.915	7.054.000
- Chi phí khấu hao xe vượt quy định	352.125.000	352.125.000
Thu nhập miễn thuế (*)	160.399.696	447.734.685
Thu nhập chịu thuế	5.167.036.567	7.204.015.721
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.033.407.313	1.440.803.144
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu năm 2018	52.035.144	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.085.442.457	1.440.803.144

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

9. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.852.163.891	5.851.768.262
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.852.163.891	5.851.768.262
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	770	1.170

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.042.871.660	48.146.271.182
Chi phí nhân công	27.818.724.954	26.211.043.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.151.746.587	2.104.786.658
Trích lập dự phòng	1.249.760.079	278.339.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.592.217.188	9.472.651.695
Chi phí khác bằng tiền	3.886.032.736	3.675.854.581
Cộng	97.741.353.204	89.888.947.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của chuẩn mực số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất vật liệu xây dựng và bộ phận địa lý chính là ở Việt Nam do đó Công ty không thực hiện lập báo cáo bộ phận.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Minh Hưng

Mối quan hệ

Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng	1.284.581.818	-
Công ty TNHH Minh Hưng	1.284.581.818	-
Mua hàng	1.182.909.273	2.213.701.355
Công ty TNHH Minh Hưng	1.182.909.273	2.213.701.355

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả cho người bán	131.823.800	417.307.600
Công ty TNHH Minh Hưng	131.823.800	417.307.600

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.161.238.275	930.703.152
Cộng	1.161.238.275	930.703.152

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

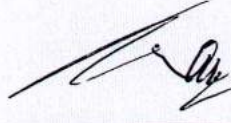
VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là số liệu báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 08 tháng 09 năm 2020

